TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ** Bản án số:78/2026/HNGĐ-ST Ngày: 19 - 3 - 2026 V/v "Ly hôn và Tranh chấp về cấp dưỡng"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương;
2. Ông Nguyễn Văn Bỉnh.

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc *"Ly hôn và Tranh chấp về cấp dưỡng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-HN, ngày 05 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Kim N**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: A, N, Khu V, phường S, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: **Ôn Văn K**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Trần Kim N (Sau đây gọi chị N) trình bày:

Giữa chị và bị đơn Ôn Văn K (Sau đây gọi anh K) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Từ đó vợ chồng hay cãi vã nhau, nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm vẫn không đoàn tụ được, nên sống ly thân từ năm 2023, chị N về quê mẹ ruột sinh sống đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh K.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Ôn Nhã Diệu Q (N1), sinh ngày 28 tháng 11 năm 2013 và cháu Ôn Nhã Diệu H (Nữ), sinh ngày 26 tháng 4 năm 2018. Từ khi ly thân đến nay thì con chung do chị N nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị yêu cầu nuôi con, yêu cầu chồng chị cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung mỗi tháng là 4.000.000 đồng.

Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 3 năm 2026, các cháu Q và cháu H trình bày (Có sự chứng kiến của chị N): Khi cha mẹ cháu ly hôn, các cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ.

Quá trình tố tụng bị đơn Ôn Văn K vắng mặt nhưng có Văn bản gởi đến Tòa án trình bày như sau: Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N thì anh đồng ý ly hôn. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai người con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng thì anh không đồng ý vì bản thân anh không nghề nghiệp, không có tài sản, đi làm thuê không ổn định, lúc có việc, lúc không, với số tiền công lao động không nhiều, thậm chí là không nhà phải đi thuê trọ để ở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Ly hôn và Tranh chấp về cấp dưỡng được qui định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Ôn Văn K được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh K qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N: Chị và anh K trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà đã chọn cách sống ly thân; xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ nhưng anh K vắng mặt, đều đó chứng minh anh K cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân hiện tại. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[5] Về con chung: Có hai người con chung, anh chị không tranh chấp về quyền nuôi con, xét cả hai người người con chung được chị N nuôi dưỡng từ khi hai người ly thân và các cháu đều có nguyện vọng được sống với chị N. Chị N cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu này là phù hợp nguyện vọng con chung, phù hợp với quy định pháp luật, nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của con chung, cần giao cả hai người con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị N, anh K có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi hai người con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng/01 cháu. Anh K không đồng ý cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Qua đó yêu cầu cấp dưỡng của chị N có căn cứ chấp nhận. Về mức cấp dưỡng: Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 quy định: Mức cấp dưỡng không thấp hơn một nữa tháng tối thiểu vùng tại nơi người có nghĩa vụ cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con.

[6.1] Về mức lương tối thiểu vùng III hiện tại là 4.140.000 đồng. Như vậy mức cấp dưỡng được xác định bằng ½ mức lương tối thiểu vùng, cụ thể bằng: 2.070.000 đồng là số tiền cấp dưỡng cho mỗi người con/01 tháng. Tuy nhiên, chị N tự nguyện yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi hai người con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng/01 cháu là đã có lợi cho anh K nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung của chị N.

[6.2] Từ đó có căn cứ buộc anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai người con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng. (Tức là 2.000.000 đồng /01cháu/01 tháng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi hai người con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh K mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về nợ và tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật. Bị đơn phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban T quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa giữa Trần Kim N và Ôn Văn K.

2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Ôn Nhã Diệu Q (Nữ), sinh ngày 28 tháng 11 năm 2013 và cháu Ôn Nhã Diệu H (Nữ), sinh ngày 26 tháng 4 năm 2018 cho Trần Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị N, anh K có yêu cầu khác.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Ôn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Trần Kim N tiền nuôi dưỡng hai người con chung mỗi tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). (Tức là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01cháu/01 tháng).

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 19 tháng 3 năm 2026) cho đến khi các cháu Ôn Nhã Diệu Q và cháu Ôn Nhã Diệu H lần lượt đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Ôn Văn K mà không ai có quyền cản trở.

4. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Trần Kim N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012773, ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố C thành án phí, không phải nộp thêm.

6. Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Ôn Văn K phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm